

## KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI HIỆN BẢO TẠNG

### QUYỂN HẠ

Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần suy nghĩ, cố tìm cách khuấy rối bữa cúng dường thịnh soạn của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Ma Ba-tuần bèn hóa làm bốn vạn Tỳ-kheo đắp y cũ rách, ôm bát hư bể, từ nơi nhơ nhớp đi đến. Những Tỳ-kheo này diện mạo xấu xí, ngực lưng đều phô bày, chân bước khập khiểng, trong tâm thì lo sợ, cũng ngồi trong chúng hội, cũng lại dùng bát nhận các thức ăn cúng dường, nhưng thức ăn trong chiếc bát kia cũng không với đi. Ma Ba-tuần đã khiến các Tỳ-kheo đó có sức ăn thật nhiều, tuy nhiên bát cơm vẫn không hề giảm bớt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng oai thần biến hóa làm cho bát cơm của các Tỳ-kheo giả ấy vẫn luôn đầy ắp. Nhưng vắt cơm vừa vào tới miệng họ là bị nghẹn, không nuốt được. Hoặc tay đưa cơm ngang đến miệng là bị ngưng lại và rơi xuống đất. Họ không có được sự vui vẻ tự tại.

Khi đó Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ma Ba-tuần: “Vì sao các Tỳ-kheo này không thọ thực?”

Ma Ba-tuần đáp: “Các Tỳ-kheo này sắp bị chết rồi. Bồ-tát không dùng thức ăn có lẫn chất độc để cho họ ăn đấy chứ?”

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: “Người không độc mà lại làm việc độc sao? Thân không nhơ nhớp, sao lại đem chất nhơ nhớp cho người? Kẻ có dâm, nộ, si đó là độc hại, còn đối với Bồ-tát tâm luôn nhớ nghĩ là phải đem pháp phẩm luật nghi cho chúng sinh, thì làm gì có các độc hại ấy. Điều gọi là độc hại là vì không thấy rõ sự vướng mắc nơi tham ái. Đó là thấy biết cái ta có và chẳng phải cái ta có, đó là những cái ta làm do nhân duyên, tội phước và danh sắc. Chẳng phải chúng mà tạo thành được chỗ duyên. Người có ngã kiến thì suy nghĩ bám vào phiền não, thọ trụ, tham thân, có các thứ thọ và các thứ nhập, trụ nơi ba cõi. Có thủ, có thọ, có sinh, có diệt, có qua lại. Tham thân là chướng ngại, nên có thọ mạng. Gân gỏi, vướng mắc, nhớ nghĩ, trong sạch thì bị sân hận ngăn che, không rõ cội nguồn của mười hai nhân duyên. Tranh tụng theo các kiến chấp nên không đoạn được kiến chấp của chính mình, có niệm, có biết khinh mạn, có tưởng tịnh, và tưởng không tịnh chia phần các sự việc. Nghĩa là quán đầy đủ về các pháp có - không và nghiệp, các sự tham ái thì ngã sở không có chỗ tác động. Sự nơi không nghĩa là có hai dục vượt khỏi hai tưởng. Đối với vô tưởng thì có tưởng đọa lạc, không có nguyên do khởi lên vô tưởng, không có đạt đến hữu tưởng. Đối với vô hành, thì khởi lên đủ các tưởng về giảng thuyết, khởi lên hai dục để vượt qua tưởng. Đối với pháp phẩm Bồ-tát là tưởng chẳng phải pháp, là hạnh tà kiến có chánh pháp quán tưởng. Đối với tri thức ác tưởng là bạn lành, làm rối loạn hạnh Phật, phủ bóng chánh hạnh. Từ đó cao ngạo không có chỗ cứu giúp. Tranh chấp, kiện tụng, trách mắng cho đến thành thật tưởng là vọng ngữ, đối trá tưởng là chắc thật, phạm các dâm dục tưởng là an trụ. Đối với các pháp hữu vi tưởng là an ổn. Đối với sinh tử tưởng là sự truyền dạy mà khởi kiến, phá hoại chỗ hiện bày của Niết-bàn.”

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Ba-tuần! Như vậy hành vi giống như các pháp ấy là

độc, đối với giáo pháp Phật không hề có.

1. Lời dạy dịu ngọt tức là lời dạy thứ nhất của Phật.
2. Lời dạy an ổn tức là lời dạy thứ hai của Phật.
3. Lời dạy không phóng dật tức là lời dạy thứ ba của Phật.
4. Lời dạy không oán hận tức là lời dạy thứ tư của Phật.
5. Lời dạy không thọ trụ là lời dạy thứ năm của Phật.
6. Lời dạy theo chánh pháp tạng là lời dạy thứ sáu của Phật.
7. Lời dạy không tranh tụng là lời dạy thứ bảy của Phật.
8. Lời dạy không có chỗ sinh khởi là lời dạy thứ tám của Phật.
9. Lời dạy không chấp ta, người là lời dạy thứ chín của Phật.
10. Lời dạy không phỉ báng là lời dạy thứ mười của Phật.
11. Lời dạy cứu giúp, ủng hộ là lời dạy thứ mười một của Phật.
12. Lời dạy vắng lặng an nhiên là lời dạy thứ mười hai của Phật.
13. Lời dạy thanh tịnh lại an nhiên, lặng lẽ, nơi nào cũng như vậy, là lời dạy thứ mười ba của Phật.
14. Lời dạy chân chánh mang đến bình đẳng sáng suốt là lời dạy thứ mười bốn của Phật.
15. Lời dạy không giận dữ, khéo léo an trú là lời dạy thứ mười lăm của Phật.
16. Lời dạy không tôn trọng lại càng tôn trọng, tích tụ các cội rễ lành, là lời dạy thứ mười sáu của Phật.
17. Lời dạy đã giải thoát lại giải thoát nữa là lời dạy thứ mười bảy của Phật.
18. Lời dạy hóa độ các ngoại đạo là lời dạy thứ mười tám của Phật.
19. Lời dạy tất cả dục tuệ không còn, đó là lời dạy thứ mười chín của Phật.
20. Lời dạy không có sự đầu tiên hay cuối cùng nơi sinh tử, là lời dạy thứ hai mươi của Phật.
- (Thiếu pháp 21)
22. Lời dạy định ý là lời dạy thứ hai mươi hai của Phật.
23. Lời dạy về ý chỉ là lời dạy thứ hai mươi ba của Phật.
24. Lời dạy về bình đẳng đoạn trừ là lời dạy thứ hai mươi bốn của Phật.
25. Lời dạy về thân tức không tạo tất cả các điều ác là lời dạy thứ hai mươi lăm của Phật.
26. Lời dạy thân ý trong sạch, không có hai căn, là lời dạy thứ hai mươi sáu của Phật.
27. Lời dạy dốc tâm tin tưởng là lời dạy thứ hai mươi bảy của Phật.
28. Lời dạy không hiện tất cả phiền não, chẳng hiện giác ý là lời dạy thứ hai mươi tám của Phật.
29. Lời dạy thấu triệt cùng tận về thể và tổ ngộ về đạo là lời dạy thứ hai mươi chín của Phật.
30. Lời dạy việc mình tạo ra lặng lẽ không lan rộng nơi nào là lời dạy thứ ba mươi của Phật.
31. Lời dạy lặng lẽ tự nhiên không tranh là lời dạy thứ ba mươi mốt của Phật.
32. Lời dạy suy xét chính xác, đưa đến các sự giải thoát là lời dạy thứ ba mươi hai của Phật.
33. Lời dạy trí tuệ biện tài không giận dữ là lời dạy thứ ba mươi ba của Phật.
34. Lời dạy về nghĩa pháp không phân chia, vô thường, khổ, không, sâu ưu là lời

dạy thứ ba mươi bốn của Phật.

35. Lời dạy có người ngợi khen hay mắng nhiếc vẫn không màng đến là lời dạy thứ ba mươi lăm của Phật.

36. Lời dạy hàng phục các đạo, làm cho yên lặng sạch trong là lời dạy thứ ba mươi sáu của Phật.

37. Lời dạy đưa đến tâm vô vi đạt được Ba-la-mật là lời dạy thứ ba mươi bảy của Phật.

38. Lời dạy phát khởi phương tiện khéo léo, để vượt qua bờ bên kia là lời dạy thứ ba mươi tám của Phật.

39. Lời dạy đem tâm Từ bi cứu giúp quần sinh, là lời dạy thứ ba mươi chín của Phật.

40. Lời dạy hiện bày tâm Từ thương xót, không có ý tổn hại là lời dạy thứ bốn mươi của Phật.

41. Lời dạy khoác áo giáp công đức để thoát khỏi mọi sự ràng buộc là lời dạy thứ bốn mươi một của Phật.

42. Lời dạy khởi tâm yêu thương không có chỗ ưa thích, không có chỗ tạo tác, không có chỗ nói năng, là lời dạy thứ bốn mươi hai của Phật.

43. Lời dạy hoàn thành hạnh nguyện, tăng trưởng trí tuệ, là lời dạy thứ bốn mươi ba của Phật.

44. Lời dạy nhớ nghĩ không kiêu mạn, không xa lìa Tam bảo, là lời dạy thứ bốn mươi bốn của Phật.

45. Lời dạy phát tâm Bồ-đề làm an ổn tất cả chúng sinh, khiến họ được trong sạch, là lời dạy thứ bốn mươi lăm của Phật.”

Vì để các hữu không phát sinh, khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói những điều này, những vị trời đi theo ma Ba-tuần có đến năm trăm Thiên tử, đều phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân Vô thượng. Họ cùng bạch Đức Thế Tôn: “Chúng con cũng sẽ vâng theo pháp Phật dạy như vậy.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn mỉm cười.

Hiền giả A-nan bạch Phật: “Vì lý do gì mà Đức Thế Tôn mỉm cười? Đã cười chắc là có ý?”

Phật bảo: “Này Hiền giả A-nan! Ông có thấy các Tỳ-kheo giả này chăng?”

“Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.”

Phật nói: “Này A-nan! Vào đời xấu ác có đủ năm trước về sau, khi chánh pháp sắp diệt, sẽ có các Tỳ-kheo như thế này. Họ không nhàm chán và không biết đủ để làm những điều bất thiện, y phục lôi thôi, bữa bãi, tánh khí bất thường và sống không ổn định. Vì sao? Này Hiền giả A-nan! Vì khi ấy như các Tỳ-kheo giả này, ăn uống không biết cung kính, làm những điều đáng chê bai mà lại muốn được sự cúng dâng, không thực hành luật nghi, phạm giới cấm của Sa-môn, kẹp y dưới nách, không kính các bậc Tỳ-kheo tôn trưởng, vì thế, cho đến đời sau càng thêm mê loạn, làm người nhiều bệnh tật. Khi ấy, họ làm Sa-môn chỉ để được cầu an và lợi dưỡng, tâm chỉ mong được cung kính mà không thiết tha với chánh pháp. Vào đời sau, trong giáo pháp ta, sẽ có những người như thế này. Vì không thấy có người tu hành, không thấy có sự trong sạch, nên chư Thiên đều sầu lo, còn chúng ma lại rất vui mừng.”

Tôn giả A-nan lại thưa: “Bạch Thế Tôn! Vì sao chúng ma vui mừng?”

Phật nói: “Đó là lúc các bậc chân chánh tự mình tạo ra các việc ma, chứ chẳng

phải là ma Ba-tuần lại có thể quấy nhiễu được. Vì sao? Vì các ma không cần tìm chỗ sơ xuất của người làm biếng. Nếu thấy có các Tỳ-kheo tinh tấn tu hành, như cứu lửa đang cháy ở đâu, ma Ba-tuần sẽ tìm khuyết điểm của những người chuyên cần tu hành này để quấy nhiễu.

Này A-nan! Hãy nỗ lực và tinh tấn tiến tới, chớ có lười biếng, thì sẽ đạt được những gì chưa đạt được, sẽ thành tựu những gì chưa thành tựu, sẽ đạt đến tuệ giác và đoạn trừ bóng tối vô minh, hàng phục các ma và quyến thuộc của chúng, làm tăng trưởng giáo pháp Như Lai, thờ phụng chánh pháp, cúng dường nghĩa kinh. Đó là những điều ta dạy.”

Khi Đức Thế Tôn giảng dạy những lời này, có năm trăm vị Tỳ-kheo đều xả bỏ thân mạng mà vui cảnh Niết-bàn, vì họ không muốn thấy lúc chánh pháp hoại diệt, nên ngồi nơi hư không, tự phóng hỏa từ thân ra để hỏa thiêu. Có cả ngàn vị Thiên tử cùng nhau cúng dường xá-lợi ấy. Có hai trăm thầy Tỳ-kheo xa lìa phiền não, được mắt pháp thanh tịnh. Hai trăm thầy Tỳ-kheo khác chứng đắc ý thông tỏ, các lậu không khởi mà đều dứt hết. Ba vạn hai ngàn chư Thiên chứng đắc pháp nhãn nhu thuận. Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và các quyến thuộc đều chấp tay, bạch Phật: “Kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn trụ thế dài lâu và rộng truyền giáo pháp, chớ để cho chúng con phải thấy giai đoạn chánh pháp rối loạn và hoại diệt. Để có người vừa được nghe thuyết giảng kinh pháp này, sẽ trọn đời không biếng trễ, cũng không có các cấu uế, không vướng mắc vào các thọ, suy nghĩ, hành động đều không có chỗ trụ, cũng không tạo ra các việc ma, cũng không có cái tôi, không có chỗ để mong cầu.”

Tôn giả A-nan nói:

–Đúng như thế! Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã hiện bày thân thông biến hóa, thuyết giảng pháp kinh, mới có những sự thể như vậy, ngày ấy chính tôi đã thấy như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôi cũng đã từng thấy thân thông biến hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Xin Tôn giả hãy nghe: Khi Đức Phật thành Chánh giác chưa bao lâu, lúc đó, tôi mới vừa xuống tóc và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tới thế giới này. Bồ-tát từ cõi Phật của Đức Như Lai Bảo Anh đi đến muốn gặp Đức Thế Tôn để thành kính đảnh lễ. Lúc đó, Đức Phật ở tại tinh xá Cấp cô độc, trong vườn cây của thái tử Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vừa mới mãn ba tháng an cư. Suốt thời gian này, tôi không thấy Bồ-tát ấy hiện diện bên cạnh Đức Thế Tôn, cũng không thấy trong chúng Tăng, cũng không thấy nơi tinh xá, cũng không thấy ở chỗ thuyết giới. Đến khi thuyết giới hoàn mãn ba tháng an cư xong, tôi mới thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có mặt trong chúng. Tôi liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: “Ba tháng hạ này, Nhân giả ở đâu? Lưu chuyển nơi nào?”

Bồ-tát Văn-thù đáp: “Thưa Hiền giả Ca-diếp! Tôi ở trong thành Xá-vệ này, nơi cung thể nữ của vua Hòa Duyệt cùng với các tiểu nhi dâm nữ, suốt ba tháng hạ.”

Tôi thầm nghĩ: “Không có lý do gì để những người như thế này, lại cùng với Tăng chúng trong sạch và ta, cùng an cư thọ tuổi hạ được.”

Tôi liền đến giảng đường đánh kiền chùy, vì muốn trực xuất Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Lúc đó, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: “Ông có thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đánh kiền chùy không?”

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp: “Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Vì Tôn giả ấy muốn trực xuất con ra khỏi chúng.”

“Này Văn-thù-sư-lợi! Ông hãy dùng thần thông biến hóa hiện ra những cảnh giới, làm cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp không sinh tâm rối loạn về thầy.”

Ngay khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, dùng Tam-muội hiện ra nhiều Đức Phật và các cõi nước bằng tâm thiền định chánh thọ của mình. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vừa nhập Tam-muội xong, thì mười phương hằng hà sa thế giới được hiện ra, mỗi chỗ đều có Ma-ha Ca-diếp tay đánh kiền chùy và muốn trục xuất Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Ca-diếp: “Vì lý do gì Tôn giả đánh kiền chùy?”

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Suốt ba tháng hạ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, âm thầm đi ở đêm, nơi nhà nào kín đáo không ai biết, cho nên con đánh kiền chùy, muốn trục xuất vị ấy.”

Lúc đó, toàn thân Đức Thế Tôn, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương. Đức Thế Tôn bảo tôi: “Ca-diếp! Ông hãy quán sát khắp mười phương xem.”

Ngay khi đó, tôi thấy vô số các thế giới nhiều không thể tính kể ở khắp mười phương, đều có thân tôi hiện ở nơi ấy đứng bên cạnh Đức Thế Tôn, đánh kiền chùy, vì muốn trục xuất Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Lại thấy chư Phật, bên cạnh mỗi mỗi Đức Phật đều có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng đầu. Đức Phật bảo tôi: “Này Đại Ca-diếp! Ông muốn trục xuất Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nào? Hay là muốn trục xuất vô số Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở bên cạnh chư Phật trong mười phương? Hay là muốn trục xuất Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở đây?”

Tôi lấy làm xấu hổ vô cùng, muốn đem kiền chùy đặt dưới đất, nhưng không thể được. Tôi vận hết thần lực mà kiền chùy ấy vẫn không chịu rơi xuống. Nó vẫn đứng thẳng bất động, như những hàng cây ở mười phương cõi Phật ấy, cây kiền chùy cũng vững chắc, tự tại, y như vậy không khác.

Đức Phật Thế Tôn bảo tôi: “Ông hãy tự hướng về Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mới thoát được trở ngại này.”

Tôi liền hướng về Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đánh lễ, kiền chùy mới rơi xuống đất. Tôi đi đến trước Phật, cung kính đánh lễ, bạch Phật: “Cúi xin Đức Thế Tôn xá tội cho con. Lạy Đấng Thiên Trung Thiên! Con đã thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biểu hiện. Nếu như con muốn giảng nói đầy đủ về trí tuệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thì chẳng bao giờ nói hết được. Cảnh giới mà Bồ-tát thực hành, không có hạn lượng. Con vì không đủ trí, nên mới đánh kiền chùy như vậy.”

Đức Phật nói: “Như ông đã thấy, trong mười phương cõi Phật, đều có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở bên cạnh. Vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở khắp các cõi Phật, nên ba tháng không thấy xuất hiện, là để đi giáo hóa mọi người. Này Ca-diếp! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong thành Xá-vệ này, đã khai ngộ cho năm trăm người nữ, giáo hóa các thế nữ trong cung vua Hòa Duyệt, độ cho họ chứng đắc đạo Chánh chân Vô thượng không thoái chuyển. Khiến cho năm trăm đồng tử và năm trăm đồng nữ đạt được phần vị bất thoái chuyển đối với đạo quả Chánh chân Vô thượng. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng đã giáo hóa cho vô số người đắc quả Thanh văn và sinh lên cõi trời.”

Tôi liền bạch Phật: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp như thế nào mà độ được vô số người như vậy?”

Đức Phật bảo: “Ông hãy tự hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã thuyết pháp gì mà có thể hóa độ được vô số người như vậy.”

Tôi liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và được Bồ-tát ấy đáp: “Thưa Tôn giả Ca-diếp! Tùy theo bản tánh của mỗi người mà thuyết pháp khiến họ được vào với giáo pháp.

Cũng có thể dùng vui chơi mà truyền dạy cho họ, hoặc dùng cách cùng làm việc với nhau, hoặc dùng sự đạo xem, cúng dường, hoặc dùng sự lưu thông tiền tài, hoặc vào trong chốn bần cùng, nghèo đói mà chỉ bảo họ. Hoặc hiện ra những hành động trong sạch, hoặc dùng thần thông biến hóa, hoặc dùng hình tướng Thích, Phạm, hoặc dùng hình tướng Tứ Thiên vương, hoặc dùng hình tướng Chuyển luân thánh vương, hoặc hiện hình tướng như Đức Thế Tôn, hoặc dùng hình tướng đáng sợ, hoặc hiện tướng thô kệch hay dị dạng, hoặc dùng giả hoặc dùng thật, hoặc dùng hình tướng chư Thiên. Vì sao? Vì tánh hạnh căn bản của con người có nhiều điều bất đồng, nên vì họ thuyết các pháp khác nhau, để đưa họ vào đạo. Thưa Tôn giả Ca-diếp! Đối chiếu như thế nên phải thuyết giảng năm loại pháp, để có thể đưa họ vào chân đế.”

Tôi hỏi: “Thưa Nhân giả! Nhân giả đã độ được bao nhiêu người?”

“Như pháp giới”.

Lại hỏi: “Pháp giới là bao nhiêu?”

“Như cội hư không. Các cội pháp và cội hư không sánh với lượng người cũng như vậy. Những người trong cội pháp và trong cội hư không này, không có hai, cũng không tạo ra hai.”

“Thưa Nhân giả Văn-thù-sư-lợi! Tôi tuy thấy có Phật như vậy, sẽ được hay là không được những điều lợi ích? Cũng không thể có chỗ để truyền dạy cứu độ muôn loài. Pháp Phật là không, không nhân, sao lại còn giáo hóa và độ thoát? “.

Bồ-tát Văn-thù dạy: “Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như có người bị bệnh nóng, người ấy nói mê, nói sảng đủ thứ. Có những người thấy vậy, liền bảo: Người này mắc bệnh nơi quý thần. Ngay khi ấy có vị lương y đem thuốc đến cho người bệnh ấy uống, bệnh liền thuyên giảm, không còn nói mê, nói sảng nữa. Thưa Tôn giả Ca-diếp! Ý của Tôn giả nghĩ thế nào? Chẳng lẽ có quý, thần và trời ra khỏi thân người bệnh ấy sao?”

“Thưa không, nhờ uống thuốc cho nên bệnh nhân ấy được giảm.”

“Như thế, thưa Tôn giả Ca-diếp! Vị lương y đó đối với người bệnh kia có nhiều sự lợi ích không?”

“Thưa vâng”.

“Như thế đó, này Ca-diếp! Người trong thế gian ưa đối trá đó là người bệnh nhiệt. Họ sinh tâm tham đắm, không có ngã mà có ngã tưởng, nên bị lưu chuyển rơi vào đường sinh tử. Vì thế chư Phật Thế Tôn có đầy đủ hạnh đại Từ bi, xuất hiện nơi thế gian, dứt được hai việc và các hành tướng, khéo dùng phương tiện biến hóa, khiến cho tất cả được vào pháp môn, đoạn trừ ngã tưởng, không còn các vọng tưởng khác và dứt hết mọi thứ đối trá. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho mọi người là để trừ tất cả tưởng, khiến không còn ưa thích rơi vào trong các tưởng về ta và vọng tưởng nơi người khác, đạt được Ba-la-mật vô cùng và đến với vô vi. Tôn giả Ca-diếp! Ý của Tôn giả thế nào? Người kia có ngã, nhân, thọ mạng, và Bát-niết-bàn không?”

“Thưa không”.

“Đúng vậy Ca-diếp! Tôn giả nên biết nghĩa này. Vì lý do gì mà đáng giác ngộ ấy thường hiện chánh nghĩa, không vì sinh khởi, cũng không vì luật mà chỉ muốn giác ngộ, cứu độ những kẻ vướng mắc sâu vào trong phiền não.”

Tôn giả Ca-diếp nói: “Thật khó sinh được hạnh chuyên cần của Bồ-tát như thế này. Bồ-tát hộ trì chúng sinh, cứu giúp tất cả muôn loài, không bỏ áo giáp phước đức, cũng không có chỗ vướng mắc, cũng không loạn tranh. Bồ-tát trong sạch tự nhiên, đạt đến vô vi vì các loài chúng sinh mê muội mà mặc áo giáp công đức.”

Bồ-tát Văn-thù nói: “Đúng thế Ca-diếp! Vì vậy Bồ-tát mặc áo giáp công đức.”

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi: “Xin Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng về các thứ áo giáp đức hạnh của Bồ-tát.”

Bồ-tát Văn-thù trả lời: “Bồ-tát có ba mươi hai thứ áo giáp đức hạnh. Bồ-tát mặc áo giáp đức hạnh này nên có thể đi lại khắp nơi. Đó là:

1. Áo giáp đức hạnh để Bồ-tát đi vào vô lượng sinh tử, ủng hộ cùng tận, gọi đó là tướng tự nhiên.

2. Áo giáp đức hạnh hóa độ vô số người, không có tướng chấp ngã.

3. Áo giáp đức hạnh cúng dường vô lượng Phật, đều gọi là tướng Pháp thân.

4. Áo giáp đức hạnh xem các nghịch duyên như tướng tiếng vọng của âm thanh.

5. Áo giáp đức hạnh hộ trì tất cả chư Phật, là tướng pháp giới bình đẳng.

6. Áo giáp đức hạnh hàng phục tất cả ma, đối với các phiền não làm tướng thanh tịnh.

7. Áo giáp đức hạnh dùng chánh pháp giáo hóa các đạo khác. Hoặc có hoặc không thấu triệt mười hai nhân duyên, là tướng không có nguồn gốc.

8. Áo giáp đức hạnh bố thí tất cả những gì có được mà không tham tiếc. Nguyện đi vào tất cả câu nghĩa là tướng cùng nhau ưa thích tu tập.

9. Áo giáp đức hạnh vì tất cả chúng sinh tích lũy giới hạnh công đức mà không có tướng tạo ra.

10. Áo giáp đức hạnh bao la đi đến khắp mọi nơi, là tướng không có chỗ đến.

11. Áo giáp đức hạnh hiện rõ lực đại tinh tấn, là tướng thân, ý, vắng lặng.

12. Áo giáp đức hạnh xem tất cả phải vì nhất tâm, Pháp thân phải hợp định ý chánh thọ, là tướng trừ tất cả các vương mắc.

13. Áo giáp đức hạnh không chướng ngại bất cứ nơi nào. Trí tuệ đạt đủ các pháp Ba-la-mật, thông tỏ tác hại của tham ái, là tướng thanh tịnh.

14. Áo giáp đức hạnh tạo nhiều phương tiện quyền xảo, là hiện bày khắp tất cả hạnh.

15. Áo giáp đức hạnh đại Từ, là tướng không làm thương tổn, sát hại.

16. Áo giáp đức hạnh thực hành đại Bi, thấy rõ năm đường, chứng đắc tướng hư không.

17. Áo giáp đức hạnh luôn vui vẻ, là tướng không có nhàm chán.

18. Áo giáp đức hạnh cứu giúp lớn, là tướng đối với vui không dao động.

19. Áo giáp đức hạnh đầy đủ các nguyện, xét thấy giải thoát như lòng bàn tay, là tướng không có chướng ngại.

20. Áo giáp đức hạnh không nghĩ đến tất cả các phiền não, là tướng thích ứng không có dấu vết.

21. Áo giáp đức hạnh xem chỗ sinh khởi của bốn đại, năm ấm, như pháp huyễn mộng, hóa hiện tướng tốt đẹp.

22. Áo giáp đức hạnh thấy rõ bốn đại như cùng thấy độc xà, là tướng pháp giới bình đẳng.

23. Áo giáp đức hạnh xem các nhập như xóm làng trống vắng, các chướng ngại lại không có tướng chướng ngại.

24. Áo giáp đức hạnh hiện có nơi tam giới, không khởi tướng nhớ nghĩ.

25. Áo giáp đức hạnh quán sát chính xác khi thọ các nghiệp, là tướng không có chỗ phát khởi.

26. Áo giáp đức hạnh đại dũng mãnh, là tướng bất thoái chuyển.

27. Áo giáp đức hạnh đại thông đạt, tùy theo hành của tất cả chúng sinh mà hiện tướng cho thuốc.

28. Áo giáp đức hạnh là đại Đạo sư, là tướng hiện ra nơi ba đường dữ.

29. Áo giáp đức hạnh không xa lìa giáo pháp nơi Tam bảo, đều hiện rõ trí tuệ của chư Phật, là tướng giáo hóa và thị hiện các giáo nghĩa.

30. Áo giáp đức hạnh xem tất cả các pháp không có chỗ thọ nhận, không chỗ sinh, là tướng đặc pháp Nhẫn vô sinh.

31. Áo giáp đức hạnh được trụ ở địa không động chuyển, là tướng điều phục tất cả lỗi của hàng Thanh văn, Duyên giác.

32. Áo giáp đức hạnh làm trang nghiêm đạo tràng. Vì nhất tâm thực hành trí tuệ bình đẳng, đối với tất cả các pháp, như tướng xét đoán chánh giác.

Thưa Tôn giả Ca-diếp! Đó là ba mươi hai thứ áo giáp đức hạnh lớn của các hạnh Bồ-tát. Nếu có người tin thọ ba mươi hai thứ áo giáp đức hạnh này, thì dù cho thân bốn đại có thể chuyển khác đi nhưng tâm Bồ-tát đó không trọn thể lay chuyển nơi đạo Chánh chân Vô thượng.”

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi: “Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các Thanh văn đối với áo giáp đức hạnh này thật không có được một?”

“Đúng vậy, thưa Tôn giả Ca-diếp! Các Thanh văn không được mặc áp giáp đức hạnh lớn này. Ý của Tôn giả nghĩ sao? Áo giáp của người có sức dũng mãnh mặc, kẻ nhỏ nhoi yếu kém cũng có thể mặc được chăng?”

“Thưa không.”

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi: “Thưa Tôn giả Ca-diếp! Áo giáp đức hạnh lớn của Bồ-tát đã mặc, thì tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thể mặc được.

Khi thuyết giảng về áo giáp đức hạnh của Bồ-tát này có ba vạn hai ngàn chư Thiên và người đều phát tâm cầu đạo Chánh chân Vô thượng.

Tôn giả Ca-diếp nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Hiền giả! Chỉ có Đồng tử Văn-thù-sư-lợi mới biến hiện mọi sự thuyết pháp với thần thông diệu dụng vô biên. Chính mắt tôi đã trông thấy như vậy.

Lúc ấy, Hiền giả Bán-nậu Văn-đà-ni Tử nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Tôi cũng đã thấy những thị hiện biến hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Tôi nhớ vào ngày trước, khi Đức Phật du hóa ở xứ Duy-da-ly, cùng với sáu vạn thầy Tỳ-kheo cung kính vây quanh, cúng dường nơi Đức Phật. Khi ấy tôi định tâm, thanh tịnh quán sát các ngoại đạo, thấy có trăm ngàn vô số người đáng được độ thoát. Tôi liền đi đến chỗ các ngoại đạo ấy để thuyết pháp cho họ. Họ nghe tôi giảng dạy nhưng không tin nhận thực hành, tâm không nhớ nghĩ lời giáo huấn ấy mà lại tỏ vẻ chê bai, cười cợt, trách mắng hay nổi giận. Tôi ở nơi hàng ngoại đạo đó ba tháng mà không thể chỉ dạy, khai hóa được một người, nên chán nản bỏ đi. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hóa ra năm trăm ngoại đạo, tự cho mình là thầy, cùng với năm trăm quyến thuộc đông đủ, tất cả cùng đi đến chỗ Tát-già Ni-kiền Tử, cúi đầu đánh lễ rồi đứng qua một bên, thưa: “Tôi nghe danh tiếng lừng lẫy của Đại sư, vì thế tôi từ phương xa đến xứ Duy-da-ly này. Nay xin xem Đại sư là Thế Tôn của tôi, là bậc Hòa thượng, xin chỉ dạy dẫn dắt cho. Tôi xin cúi đầu vâng giữ, thờ phụng xem như Cù-đàm. Tôi chưa từng nghe đại Sa-môn nào thuyết pháp thuận hợp nhiệm mầu như thế.”

Thẩm Lỏa Hình Tử nói: “Lành thay! Lành thay! Nhân giả, chẳng bao lâu sẽ hiểu



rõ về sự hành trì luật pháp của ta. Vì sao? Vì nhờ sự hết lòng của Nhân giả.

Thẩm Lỗa Hình Tử bảo với đồ chúng của ông ta: “Các người phải cùng với năm trăm kẻ mới tu học này vui vẻ, hòa hợp, cộng tác, hành sự, cùng nhau lãnh thọ các pháp của ta giáo hóa và cùng học kinh nghĩa. Nếu năm trăm người này có giảng nói điều gì, các người phải nên lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ.”

Khi đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và năm trăm kẻ mới tu học ấy đã tập hợp lại, thể hiện chút ít công hạnh và quan sát rõ ràng về giới công đức. Rồi họ liền đi đến bên gốc cây, tự hóa hiện đủ thứ và ngay giữa chúng hội đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ca ngợi Tam bảo, cũng không quên ca ngợi những đức hạnh hiện có của lổa hình tử. Sau đó Bồ-tát lặng yên không nói đến những vấn đề này nữa.

Một ngày khác, lúc những người ngoại đạo hội họp, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói: “Như Nhân giả của chúng ta đang giảng nói về kinh sách, đọc tụng, giải nghĩa. Thế nên chúng ta mới thấy được: Sa-môn Cù-đàm có đức sâu dày chắc thật. Vì sao? Vì Ngài sinh ra nơi dòng họ quyền quý cao sang. Cha mẹ đều là bậc hơn người, thanh tịnh, thuộc dòng đế vương, Chuyển luân thánh vương. Một tướng của Ngài đều có trăm phước công đức. Tôi nghe khi Ngài Cù-đàm mới sinh ra, các trời Thích, Phạm đều cung kính, đất trời rung chuyển. Cả tam thiên đại thiên thế giới đều cảm nhận như thế. Khi vừa ra đời, Thái tử đã đi bảy bước, một tay đưa lên cao và nói: “Trên trời, dưới trời, Ta là bậc tôn quý nhất. Ta sẽ đoạn trừ sinh, lão, bệnh, tử cho tất cả chúng sinh.” Khi ấy Long vương phun nước, Thích, Phạm cùng tắm cho Thái tử, chư Thiên, dân chúng đánh trống, thổi nhạc cúng dường và phóng ra ánh sáng lớn làm ngừng các đường ác. Các căn nơi thân tướng của Thái tử đều đầy đủ và bản chất nơi Ngài vô cùng hoàn hảo, khiến cho quần sinh dứt bỏ những phiền não, sân giận đạt được an vui. Thấy tướng Phạm chí dự đoán điềm lành cho Thái tử: “Nếu ở đời sẽ làm Chuyển luân thánh vương, giả sử đi xuất gia, sẽ được làm Phật, là đấng Pháp vương sẽ chuyển bánh xe chánh pháp.” Sau đó, Thái tử rời đất nước, bỏ vương vị xuất gia, ngồi nơi cội cây, giác ngộ, hàng phục trăm ngàn muôn ức quân ma và quyến thuộc của chúng, cho đến khi thành bậc Chánh giác, liền chuyển bánh xe chánh pháp, không ai có thể chuyển nổi. Đức Thế Tôn thuyết giảng nghĩa kinh cho các Sa-môn, Phạm chí, Bà-la-môn, Trời, Rồng, Quỷ Thần, Phạm thiên và dân chúng trong khắp thế gian. Nói kinh, giảng pháp, các phần đầu, giữa, cuối đều là những điều thiện.

Gọi là phần đầu thiện là vì thân đều làm thiện, miệng nói lời thiện, tâm nghĩ điều thiện. Phần giữa cũng thiện là vì ý Phật tuyệt đối kiên cố, giới hạnh đầy đủ, trí tuệ siêu vượt. Phần cuối cũng thiện là vì Ngài đã đạt được ba pháp môn giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Lại gọi phần đầu thiện nghĩa là niềm tin bất động, vắng lặng, không có buông thả. Phần giữa cũng thiện nghĩa là ý đạt đến thiền định bậc nhất. Phần cuối cũng thiện nghĩa là do thấy bằng trí chân chánh, nên tuệ thông suốt.

Phần đầu thiện nghĩa là đối với Phật, được tâm tin kính vững bền. Phần giữa cũng thiện nghĩa là đối với pháp được an tịnh không rối loạn. Phần cuối cũng thiện nghĩa là đối với chúng Tăng được tâm tin không suy giảm.

Lại phần đầu thiện nghĩa là không theo âm thanh khác. Phần giữa cũng thiện nghĩa là nhớ nghĩ vắng lặng. Phần cuối cũng thiện nghĩa là thấy tánh của Hiền thánh bình đẳng.

Phần đầu thiện là đoạn trừ nguyên nhân của các khổ. Phần giữa cũng thiện là

phụng hành tám Chánh đạo. Phần cuối cũng thiện là diệt tận sự chấp giữ chứng đắc.

Đó là các Thanh văn với phần đầu thiện, phần giữa cũng thiện và phần cuối cũng thiện.”

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Các Bồ-tát với phần đầu thiện là tuân theo ý của đại đạo. Phần giữa cũng thiện là không ưa theo ý của tiểu đạo. Phần cuối cũng thiện là khuyên trợ giúp đạt Nhất thiết trí.

Lại phần đầu thiện là đối với các chúng sinh phải phát tâm Từ và bình đẳng. Phần giữa cũng thiện là vì tất cả mọi người nên không được nhằm chán đại Bi. Phần cuối cũng thiện là vui vẻ hộ trì, tâm hành đều bình đẳng.

Phần đầu thiện là thấu phục các kẻ phạm giới, khiến những kẻ kiêu mạn, vô hạnh biết thờ phụng chánh nghĩa, người nào tánh loạn động, Bồ-tát khiến họ đều được hạnh bình đẳng, trừ diệt tà ác. Phần giữa cũng thiện được gọi là bố trí, trì giới, nhẫn nhục, nhất tâm, trí tuệ. Phần cuối cũng thiện là nương vào sáu Ba-la-mật để quán xét Nhất thiết trí.

Phần đầu thiện là hành bốn Ân (bốn Nhiếp pháp) để giáo hóa, thu phục chúng sinh. Phần giữa cũng thiện gọi là không tiếc thân mạng để cứu hộ pháp. Phần cuối cũng thiện là không rơi vào các nẻo vô minh diệt tận.

Phần đầu thiện là đem tâm bình đẳng như đất vâng giữ hạnh Bồ-tát, nhưng không hội hợp. Phần giữa cũng thiện là nơi trí tuệ không bị dao động mà luôn ở vị bất thoái chuyển. Phần cuối cũng thiện là tâm không vướng mắc bất cứ việc gì và đạt được Nhất sinh bổ xứ.

Đó là các Bồ-tát với phần đầu thiện, phần giữa cũng thiện và phần sau cũng thiện.”

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp cho hàng ngoại đạo, khiến năm trăm người xa lìa phiền não, chứng đắc mất pháp sáng trong. Tám ngàn người phát tâm cầu đạo Chánh chân Vô thượng.

Bấy giờ, năm trăm người biến hóa, cùng quỳ xuống đất, tâm cung kính quay về, cùng cất tiếng niệm: “Nam-mô Phật, quy mạng Bạc Giác Ngộ.”

Những người ngoại đạo cũng bắt chước các người biến hóa này quỳ mọp xuống đất, tâm cung kính quay về và nói: “Nam-mô Phật, quy mạng Bạc Giác Ngộ.”

Ngay lúc ấy Thiên đế Thích làm mưa hoa quý và nói: “Các vị hãy đem những hoa này cúng dường Đức Thế Tôn.”

Tức thời, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng đông đủ và quyến thuộc vây quanh, đi đến giảng đường Ca-lợi-la, tới chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Hàng ngoại đạo và chúng đệ tử cũng đem những cành hoa ấy dâng lên Đấng Chánh Giác, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi đứng qua một bên. Năm trăm người biến hóa, nương vào oai đức của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, đến bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con không muốn thấy Phật vì Phật là Pháp thân. Chúng con không muốn nghe pháp vì pháp là không thể nắm bắt. Chúng con cũng không dùng công đức của chúng Tăng, vì chúng Hiền thánh của Đức Thế Tôn không có hạnh hội hợp. Chúng con cũng không dùng công đức của Phật, vì pháp giới đó không có các đức diễn bày. Chúng con không dùng sự điều ngự vi diệu của Thế Tôn, vì tất cả các pháp hoàn toàn vắng lặng, không điều ngự. Chúng con không dùng quả vị nơi địa Như Lai, vì người giải thoát đã xa lìa mọi thứ hoa trái. Chúng con không muốn biết nghĩa khổ, vì điều nguyện mong không có hai. Chúng con không muốn cắt đứt nguyên nhân nơi tất cả các pháp, vì

chân đế không có tập. Chúng con không muốn hành đạo, vì đạo ấy đã xa lìa hành và cũng chẳng hành. Chúng con không muốn chứng đắc tận, vì các pháp vĩnh viễn đều vắng lặng. Chúng con cũng không dùng ý chỉ, vì chỗ trụ của tất cả pháp là không có chỗ để trụ. Chúng con không dùng bình đẳng cắt đứt đức hay chẳng phải đức, vì vô thường sinh tử đưa đến các hành. Chúng con cũng không dùng thần túc, vì không còn hạnh do dự, cũng không hồ nghi, không sinh khởi sự qua lại. Chúng con không dùng các căn vì tin theo các căn là mất nghĩa. Chúng con không dùng lực, vì tất cả vạn pháp, vạn vật mà không lực đều suy yếu. Chúng con không dùng giác ý, vì các pháp hoàn toàn rỗng lặng không có chỗ giác. Chúng con cũng không dùng đạo, vì vô số đời cũng không cầu phi lợi. Chúng con không dùng sự vắng lặng, cũng không an nhiên. Chúng con cũng không có cứu độ chúng sinh bằng cái thấy của trí tuệ. Chúng con cũng không cầu biết nghĩa, như thế là luôn có nghĩa giải thoát của pháp giới mà không có sự ràng buộc. Chúng con cũng không dùng nghĩa Sa-môn, chỉ dùng chí vắng lặng để vượt qua sáu chỗ chướng ngại. Chúng con cũng không bỏ hình thức Phạm chí, vì như thế Phạm chí cũng không dứt chê bai. Chúng con cũng không dùng Tỳ-kheo, vì tướng tự nhiên của họ không có chỗ hoại diệt. Chúng con cũng không dùng các pháp Ba-la-mật, vì sáu nhập như thế là diệt tận. Chúng con không dùng chán đủ, vì cái gì là hành không chán đủ. Chúng con cũng không có sự ham muốn, cũng không đủ biết. Đối với pháp không có chỗ thọ, đối với ngôn ngữ cũng không dùng ngôn ngữ như vậy, vì không có thân, không có ý, không có nói năng. Chúng con cũng chẳng phải là vô trụ, như thế ba cõi đều bình đẳng. Chúng con cũng chẳng phải không có chỗ tu tập như vậy, không vui cũng không cùng thấy. Chúng con cũng không sống nơi thanh vắng, vì tất cả ba cõi đều không có đời sống thanh vắng. Chúng con cũng không hành không, vì cũng không có chỗ để hành như vậy, vì chỗ nêu lên cũng không. Chúng con cũng không xin như vậy để trừ các vọng tưởng. Chúng con cũng không sợ sinh tử, vì tri kiến luôn bình đẳng chắc thật. Chúng con cũng không dâm, nộ, si, cũng không chê bai, cũng không suy nghĩ nhớ tưởng, cũng không vô tưởng. Chúng con cũng không đoạn trừ phiền não, vì tất cả đều ứng hiện tự nhiên, không có vướng mắc. Chúng con cũng không có thân, cũng không có chỗ sinh ra, vì thân đó chẳng phải là thân. Chúng con cũng không quán những điều đã thấy, cũng không như vậy. Tướng tôn quý phát sinh, chúng con cũng không trừ các vết nhớ bản. Chúng con tự nhiên được giải thoát do lý bình đẳng, vô thường, khổ, lạc, trong sạch. Chúng con cũng không vượt qua nước kiết sử, như thế là chúng con không thấy bờ bên này hay bờ bên kia. Chúng con không dứt bỏ kẻ khác cũng không mong mỗi vượt ngang bằng như vậy, vì không ngôn ngữ, giải thoát, vô niệm. Chúng con không thọ xứ thì không có chỗ sinh khởi, không có chỗ mong cầu, vì cõi nguồn của nó không có chỗ sinh hay trụ, cũng không đoạn trừ do dự, cũng không nghi ngờ nơi tịch tĩnh. Chúng con cũng không có tâm chân chánh hay ganh ghét để thoát nơi chánh tín, cũng không muốn đoạn ngôn thuyết như vậy, cũng không có tưởng niệm để thoát khỏi quá khứ.

Kính bạch Thế Tôn! Chúng con cũng không muốn vượt qua vô vi vì tất cả pháp đều vắng lặng và vô vi.”

Khi các hóa Tỳ-kheo nói những lời này, có hai trăm vị Tỳ-kheo đạt đến vô sinh, đoạn trừ lậu tận, ý được giác ngộ. Hai trăm vị Tỳ-kheo đã chứng đắc bốn Thiền đều từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ngay, sau cùng họ cũng đạt được những gì chưa đạt được. Họ nói: “Tất cả thế gian đều sống trong loạn động mà lại nói pháp như thế. Trước đây chúng tôi đã nghe thuyết giảng những lời êm dịu và thích hợp. Nay những lời thuyết

giảng ấy không liên hệ gì với hạnh luật, cũng chẳng phải là lời giáo hóa của Đức Thế Tôn.”

Lúc đó, Bân-nậu Văn-đà-ni Tử bạch với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: “Thưa Nhân giả! Hai trăm vị Tỳ-kheo này từ tòa ngời đứng dậy bỏ đi và nói: Vì thuyết giảng những điều ấy làm rối loạn tất cả thế gian.”

Bồ-tát Văn-thù nói: “Này Hiền giả Bân-nậu! Vì có lý do mới thuyết giảng pháp này, gọi là làm rối loạn tất cả thế gian. Vì sao? Vì bản chất của thế gian là vương mắc nơi thân năm ấm, bốn đại, sáu nhập, sợ sinh tử, mong cầu vô vi. Họ không biết nên cho sinh tử là chỗ nhận giữ, cũng không được thuận hợp vô vi nên ưu sầu, ở trong sinh tử không có chỗ vui, cũng chẳng có Niết-bàn. Người chấp nhận được sự không sợ hãi, thì không trụ ở bốn Đế. Nếu có vương mắc thì bị mê loạn, cũng không có không đế, thân trụ vào bốn việc, đối với đạo không tranh cãi mà lệ thuộc vào kinh. Muốn đắc đạo tức là hai, vì có hai nên bị loạn động. Nếu bình đẳng với tất cả pháp thì chân chánh. Giả sử đạt được không hai, vì không hai nên hành động không loạn. Cầu theo sự chấp ngã thì khinh ngạo tự cao, đã có kiêu mạn thì loạn động. Giả như không có chỗ chấp trước, chẳng có chỗ hành động, cũng không bình đẳng tạo ra, cũng không làm theo tà kiến, cũng không làm, cũng chẳng phải không làm, cũng không thích vượt qua, cũng chẳng phải không thích vượt qua. Đó là không loạn, vì không loạn nên không có hai.”

Cho nên Đức Thế Tôn nói: “Ta không tranh cãi với đời, chỉ có đời tranh cãi với ta.” Vì sao? Vì Như Lai đã cắt đứt nguồn gốc của sự tranh loạn. Những gì là nguồn gốc của sự tranh loạn? Đó là thành thực tin vào sự đối trá này.

Vì thế Đức Thế Tôn bảo: “Lời nói thành thật là lời nói thế nào? Lời nói đối trá là lời nói thế nào? Lời nói ấy bình đẳng, không thiên về tà vạy. Những gì được nói ra, nghĩa là có thanh tịnh.”

Lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đối với hai trăm vị Tỳ-kheo bỏ đi lúc trước, tới giữa đường Bồ-tát bèn hóa ra đám lửa lớn bốc cháy khắp chốn. Các vị Tỳ-kheo đó muốn vượt ra khỏi, nhưng nơi nào cũng thấy ngập đầy lửa. Họ không thể vượt qua đám lửa lớn đó, nên muốn dùng thần túc bay lên hư không, nhưng lại thấy nơi không trung có lưới sắt giăng phủ, cũng lại thấy nước lớn hiện ra khắp mười phương cõi. Các vị Tỳ-kheo ấy vô cùng kinh sợ. Từ xa, họ trông thấy con đường trong vườn Kỳ thọ, khắp nơi đều có hoa sen xanh, hoa sen trắng, hoa sen vàng, hoa sen đỏ và mọi người hội họp. Họ liền trở về chỗ Đức Phật, muốn thọ lãnh giáo pháp nên vào vườn ấy, đến giảng đường Ca-lợi-la, tới chỗ Đức Phật, cúi đầu, đánh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên.

Bân-nậu hỏi: “Các Tỳ-kheo này đã đi đến chỗ nào? Từ đâu về lại đây?”

Các vị ấy đáp: “Thưa Hiền giả! Chúng tôi đã đắc quả A-la-hán, các lậu đã tận, việc làm đã xong, đạt được nhất tâm và thần túc Ba-la-mật. Chúng tôi theo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến đây, nghe thuyết loạn pháp, nên từ tòa ngời đứng dậy, bỏ đi. Chúng tôi vừa đi ra đã thấy trong cõi Phật khắp nơi đều đầy lửa. Chúng tôi không thể vượt qua đám lửa lớn đó. Vì thế chúng tôi trở về thỉnh vấn Đức Thế Tôn, sao gọi là quả vị La-hán dứt hết các lậu?”

Khi ấy, Đức Phật bảo Tôn giả Bân-nậu: “Nếu không tự tại làm việc cúng dường ở nơi lửa mà muốn vượt qua khỏi thì không thể được, sẽ bị rơi vào lưới kiến. Muốn vượt qua lưới sắt lại bị chìm đắm ở nơi hạnh ái dục. Muốn vượt qua dòng nước lớn ở đây, cũng không thể vượt qua được. Vì sao? Này Tôn giả Bân-nậu! Vì các Tỳ-kheo này chưa giải thoát khỏi lửa dâm, nộ, si, thì làm sao có thể vượt qua đám lửa lớn ấy? Đã rơi vào

lưới kiến chấp thì làm sao có thể vượt khỏi lưới sắt được? Bị chìm đắm trong bể tham ái, thì làm sao có thể vượt qua dòng nước lớn?

Này Bà-nậu! Những hiện tượng nước, lửa, lưới sắt đó không từ đâu đến cũng chẳng đến nơi nào. Đó là sự biến hóa thị hiện của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà thôi. Như thế, này Bà-nậu! Những tâm ý dâm, nộ, si và các tà kiến tham ái đó không từ đâu lại mà cũng chẳng đến nơi đâu. Tất cả đều từ sự suy nghĩ nhớ tưởng của mình, của người khác và hạnh tà vạy làm gốc mà tạo ra, từ đó nó khởi lên của ta, của người đối với các sắc tướng. Thật ra thì không có ta, không có cái của ta và chỗ để thọ, ở đó chỉ hành hạnh bình đẳng, chấm dứt ý loạn động. Phát khởi một tâm vắng lặng, tích lũy hạnh công đức, chí chuyên cũng không có chỗ nắm bắt, cũng không chỗ để nhớ nghĩ, cũng không có chỗ vướng mắc. Hoàn toàn nhất tâm khởi niệm nơi kinh pháp.

Những gì là pháp sự? Sao gọi là pháp duyên? Ví như quan sát thật chắc chắn. Khi đã quán rồi có nhân duyên từ si liền khởi ra hành, đã có nhân duyên hành liền khởi ra thức, đã có nhân duyên thức liền khởi ra danh sắc, đã có nhân duyên danh sắc liền khởi ra sáu nhập, đã có nhân duyên sáu nhập liền khởi ra tập (xúc), đã có nhân duyên tập liền khởi ra thống dương (thọ), đã có nhân duyên thống dương liền khởi ra tham ái, đã có nhân duyên tham ái liền khởi ra thọ (thủ), đã có nhân duyên thọ liền khởi ra hữu, đã có nhân duyên hữu liền khởi ra sinh, đã có nhân duyên sinh, liền có già, bệnh, chết, khóc than, buồn rầu. Những khổ não, không vừa ý sinh ra hằng ngày. Như thế là cùng với đại khổ não tụ tập đủ lại. Đó là dùng si mà nuôi lớn thân.

Ngu si đã đoạn tận thì hành kia liền diệt. Hành đã đoạn tận thì các thức liền diệt. Các thức đã đoạn tận thì danh sắc liền diệt. Danh sắc đã đoạn tận thì sáu nhập liền diệt. Sáu nhập đã đoạn tận thì tập (xúc) kia liền diệt. Tập đã đoạn tận thì thống dương (thọ) liền diệt. Thống dương đã đoạn tận thì tham ái liền diệt. Tham ái đã đoạn tận thì chỗ thọ (thủ) liền diệt. Thọ kia đã đoạn tận thì hữu liền diệt. Hữu đã đoạn tận thì sinh khởi liền diệt. Già, bệnh, chết, sầu lo, không vừa ý... tất cả đều đoạn tận. Như thế, đại khổ não kia liền dứt trừ, là được bình đẳng đạt đến vô vi. Không hội hợp, được hoàn toàn vắng lặng, pháp lỗi lầm kia cũng không diệt. Quá khứ không thối suốt cũng không diệt. Vị lai không thối suốt cũng không tận. Hiện tại không thối suốt là vì nhớ nghĩ. Thanh tịnh, vắng lặng tức là ở vị trí thông tuệ. Những nhớ nghĩ của mình thanh tịnh, thông tuệ, hay không thông tuệ, thì không lập. Đã không lập, thì đó là vắng lặng mãi mãi, gọi là chấm dứt không còn vô minh. Đã nhớ nghĩ thanh tịnh, thông tuệ, nên quán thân bốn đại, đó là thân ngu si, ví như cây cỏ.

Nếu như có ý, có tâm, có thức mà không có sắc thì không thể thấy. Không có âm thanh cũng không thể nói được. Ví như mộng ảo, cũng không trong, cũng không ngoài, cũng không ở giữa, trong ngoài cũng không được. Tỳ-kheo có sự nhớ nghĩ vắng lặng này, đối với tất cả pháp là không có chỗ khởi. Đã không có chỗ khởi, đó là nghĩa chân không.”

Khi Đức Phật giảng dạy những lời này, có hai trăm vị Tỳ-kheo chứng đắc lậu tận không còn sinh khởi, ý hoàn toàn tỏ ngộ.

Lúc ấy, Tát-già Ni-kiền Tử cùng với chúng đệ tử và năm trăm quyến thuộc đông đủ, đi đến giảng đường Ca-lợi-la ở vườn Kỳ thọ. Họ đến chỗ Phật, vái chào Đức Thế Tôn rồi nói những lời trách móc: “Tôi nghe rất nhiều về Sa-môn Cù-đàm, dùng sự huyền ảo làm mê loạn, dụ dỗ đệ tử của người khác, nay chính mắt tôi mới thấy. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã phá bỏ chúng hội của tôi, để làm tăng thêm số đông đệ tử cho Sa-

môn Cù-đàm. Như vậy Thế Tôn đã dùng tà hạnh thâm nhận hàng đệ tử của tôi làm chúng không trở lại để nghe dạy dỗ, cũng không đọc tụng và không vâng theo lời tôi, cũng không đem tâm vâng thờ.”

Khi ấy, có đạo nhân tên Xà-da-mạt đang ngồi trong chúng hội, là chỗ quen thân của Tát-già Ni-kiền Tử. Ông ta nói với Ni-kiền Tử: “Ông hãy im đi, chớ có ý không trong sạch đối với Đức Phật, cũng không được khởi tâm tranh chấp đối với Đức Phật, các đệ tử và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Vì làm như thế ông chẳng được lợi ích gì, chỉ càng ở lâu trong đê mê dài sinh tử, không được bình an, và đương lai sẽ rơi vào con đường khổ. Nay Ni-kiền Tử! Tôi muốn nói ví dụ, ông hãy lắng nghe. Ví như có người ngu si, muốn được váng sữa, đi tìm sữa mà đem nước đổ vào trong bình, rồi lắc chiếc bình ấy, cuối cùng rất nhọc mệt và vô cùng chán nản nhưng không có váng sữa.

Này Ni-kiền Tử! Hành động của các ngoại đạo cũng như vậy. Tuy là cố học và có hành đạo, nhưng không thể dứt trừ tà hạnh. Ví như nước trong chiếc bình lớn không thể cho ra váng sữa. Người không chịu thực hành pháp và luật thượng diệu của Như Lai khi chết sẽ bị đọa nơi địa ngục.

Này Ni-kiền Tử! Ví như người có trí tuệ, thấu suốt, muốn được váng sữa thì nên tìm sữa. Người ấy dùng nước sữa bỏ vào trong bình và lắc chiếc bình ấy, liền biến thành váng sữa, vì đã dùng nước sữa cho nên mới thành váng sữa.

Như thế, này Ni-kiền Tử! Có người ở trong giáo pháp của Như Lai, hoặc là cư sĩ, hoặc xuất gia, đều hết lòng thành kính tin tưởng học đạo, vui vẻ tinh tấn thực hành pháp Phật thì sẽ chứng đắc quả vị Hiền thánh, giải thoát. Như từ nước sữa mà thành váng sữa.

Này Ni-kiền Tử! Ví như có người đến nơi nhà khác mượn trăm ngàn đồ bằng sành đem phá bỏ đi, lại dùng đồ quý báu bồi thường cho người chủ. Người chủ ấy có thể nào nổi giận mà mắng nhiếc chửi? Đáp: Không. Như thế, này Ni-kiền Tử! Các đệ tử ngoại đạo khác, ví như đồ sành, vì thế nên phá đi. Đối với pháp của Như Lai đã tạo thì như đồ dùng quý báu, không thể sân hận mắng nhiếc.

Này Ni-kiền Tử! Ví như mọi người có người dẫn đường mà không có phương tiện quyền xảo, sẽ dắt dẫn những người buôn đến đường xấu ác. Nếu vị thấy dẫn đường có phương tiện quyền xảo, sẽ dắt dẫn mọi người khách buôn ra khỏi nơi đường ác và ở nơi đường chân chánh.

Như thế, này Ni-kiền Tử! Thầy của các người đã ở nơi con đường tà, không hiểu thấu nghĩa đạo, dắt dẫn vô số người rơi vào con đường ác. Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác biết rõ nghĩa, sẽ dắt dẫn vô lượng người ra khỏi nơi con đường ác và đặt họ nơi con đường chân chánh.”

Lúc này, Ni-kiền Tử bèn dẫn đồ chúng của ông ta ra đi.

Một vạn hai ngàn người và Ni-kiền Tử cùng nhau đi rồi, những người còn lại đều được thần thông. Đức Thế Tôn cho họ cạo tóc làm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Phật bảo Xà-da-mạt: “Người có thấy một vạn hai ngàn người ấy và Tát-già cùng đi ra khỏi nơi đây không?”

“Bạch Thế Tôn! Con có thấy.”

Đức Phật nói: “Một vạn hai ngàn người này sẽ ở nơi đời của Đức Như Lai Di-lặc, sẽ xuống tóc làm Sa-môn, tại đại hội lần thứ nhất. Vì sao? Vì họ đã nghe giáo pháp sâu xa. Tát-già Ni-kiền Tử sẽ ở đời Đức Như Lai Di-lặc làm đệ tử, có trí tuệ cao tột, ví như vị đệ tử (trí tuệ bậc nhất) của ta là Xá-lợi-phất vậy. Vì sao? Vì đối với pháp Phật ông ta sinh tâm tự cao, khinh ngạo, sau đấy mới bỏ các kiến chấp đó.”

Đạo sĩ Xà-da-mạt bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: “Về sau, vào đời năm trước xấu ác sao lại có nhiều kẻ cao ngạo kiêu mạn?”

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Đúng vậy, này thiện nam! Về sau những chúng sinh nơi đời năm trước xấu ác, phần nhiều là những kẻ xấu xa, thấp kém, ưa thích sự kiêu mạn. Vì sao? Vì họ đã không thể chứng đắc đầy đủ bốn Thiền, cho nên tự cao tự đại, đến khi bị đọa lạc nơi đời năm trước xấu ác, họ không còn cúng dường chúng Tỳ-kheo. Đó là các Tỳ-kheo ý không trụ được nơi thiền định, hưởng gì là đạt đến thiền thứ tư. Vì những vị Tỳ-kheo đó đã để vào đời sau các vết nhơ, nên trong đời năm trước xấu ác, phần nhiều ưa thích kiêu mạn, tự cao, tự đại.

Khi đó, này các thiện nam! Vì hai việc mà tạo sự cao ngạo, khinh người. Đó là:

1. Tự thấy mình có trí tuệ hơn hết.

2. Vì thọ lãnh sự cúng dường về thức ăn uống, y phục, nên thể hiện sự trì giới, trí tuệ công đức, liền tự thoái đọa theo nghiệp lực, mà kiêu ngạo chê bai pháp Như Lai, sẽ phải bị đọa nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.”

“Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Lý do nào mà biết người khác có tâm kiêu ngạo?”

Đáp: “Kẻ phạm phu tâm loạn động, bất định, thì không thể gọi là A-la-hán. Giả sử họ nghe nói về những điều ấy mà sợ hãi, thì biết đó là kẻ phạm phu kiêu ngạo, được thấy Đức Như Lai nhưng không được thấy A-la-hán. Nếu như có kẻ nghe những lời này mà sợ hãi, thì biết đó là kẻ phạm phu kiêu ngạo, được Thế Tôn bố thí mà không bố thí cho A-la-hán. Nếu như người nghe những điều này mà sợ hãi, thì biết đó là kẻ cao ngạo. Đức Như Lai ca ngợi kẻ phạm phu, không ca ngợi A-la-hán. Nếu như có người nghe những điều này mà sợ hãi, thì biết đó là kẻ kiêu ngạo. Người đó không ra khỏi các phiền não, đều gọi là không có chỗ vướng mắc, là bậc Cao tột nhất nơi thế gian.

Giả sử có người thoát khỏi phiền não, thì đó là vướng mắc, chẳng phải là các sự che chở ở thế gian. Hoặc có người, ở nơi đây tu hành, thì đó là kiêu ngạo. Chỉ lãnh thọ tất cả các pháp bằng lời giảng nói, thì đó là kiêu ngạo. Cũng không biết tất cả cũng không có chỗ đoạn, cũng không có chỗ làm, cũng không tác chứng, đó mới là nơi chắc chắn chân thật.”

“Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người dùng trí tuệ kiêu ngạo có điều gì để nói?”

Đáp: “Không tranh luận, cũng chẳng phải là không tranh luận thì không gọi là kiêu ngạo. Ví như sư tử là vua của trăm thú, khi nó gầm lên thì tất cả đều sợ hãi âm thanh của nó.

Như thế, này thiện nam! Tỳ-kheo là người không ưa thích kiêu ngạo, không sợ bất cứ âm thanh nào? Vì sao? Vì âm thanh ví như tiếng dội lại của tiếng gọi, tiếng vang đó cũng không có tâm ý thức. Do nhân duyên hợp lại, cho nên có tiếng vang phát ra.

Như thế, này thiện nam! Sự làm việc của tâm ý thức xét rõ như trí tuệ, nhưng người kia không phân biệt được. Các duyên đầy đủ thì âm thanh phát ra. Còn tiếng vang vọng thì không thể tự phát. Tiếng vang của Đức Phật kia cũng chẳng từ đâu lại, âm thanh của hàng ngoại đạo cũng chẳng có lo buồn. Âm thanh của Phật cũng không có những tiếng vang không nhận biết. Đối với các âm thanh sân giận, xấu ác, không lo chúng trở thành những tiếng vang phiền não. Tất cả âm thanh không có ý đến đi, đầu cuối. Tức là ấn chứng, ấn không có chỗ ưa thích. Ấn chứng các điều đã nói, không có cao, không có thấp, nên ấn được lập thành là ấn bình đẳng, tướng của nó là ấn tự nhiên. Như vậy dùng một ấn, nhập vào thành ấn chứng bình đẳng cho cả pháp giới. Ấn này không có hư hoại, xét rõ ấn vốn không có chỗ trụ, ấn là nghĩa của chân không, ấn của

ba đời bình đẳng, ẩn không khởi không diệt, ẩn hiện tự nhiên. Do đó ẩn chứng, ẩn các pháp điều ưa thích hay không ưa thích cũng không có kiêu ngạo. Tỳ-kheo nghe thế này không có hồ nghi, không do dự, là không còn chấp nơi ngã.”

Khi ấy, Đạo sĩ Xà-da-mạt bạch Phật: “Lạy Đấng Thiên Trung Thiên! Con thân cận với nhà ngoại đạo Uất-xà, nghe thuyết công đức của Đại thừa. Hôm nay, cũng lại từ nơi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, đã được nghe biện tài nêu giảng nên phát tâm cầu đạo Chánh chân Vô thượng. Thế nên cúi mong Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khiến con đầy đủ pháp đạo phẩm, chóng thành tựu đạo quả, đạt được tuệ giác vô thượng. Nhờ giáo pháp Phật chỉ dạy mà khai hóa độ thoát cho vô lượng vô số người, nhiều không tính kể.”

Đức Phật nói: “Xà-da-mạt! Hôm nay ta sẽ thuyết giảng về hạnh Bồ-tát cho ông nghe. Có hai pháp nhanh chóng đạt đến trí tuệ Đại thừa. Đó là:

1. Tinh tấn.
2. Không buông lung.

Thế nào gọi là Tinh tấn? Nghĩa là vì cầu của cải giáo pháp nên ban cho tất cả những gì mình có được mà không hề tiếc nuối, không mong cầu phước báo, mà chỉ khuyên giúp tâm đạo. Vì tinh tấn để đoạn trừ các pháp bất thiện, đầy đủ các pháp thiện, ý bình đẳng thực hành không buông thả. Đối với giới trong sạch không mong cầu phát sinh gì cả. Tinh tấn còn có nghĩa là ý không tham thân, thực hành nhẫn nhục, không buông lung, là không có tâm tổn hại mà cứu giúp chúng sinh. Tinh tấn nghĩa là tích lũy các pháp công đức, không có buông thả mà không biết nhàm chán, đối với các chỗ tu điều thiện, tích đức, pháp hiền thiện để khuyến ý đạo. Tinh tấn nghĩa là nhất tâm hoàn toàn không nhàm chán, không buông thả, thiền định, không có tâm mong cầu và bất thoái chuyển. Tinh tấn nghĩa là mong được hiểu rộng nghe nhiều, đối với pháp thí, đó là không buông thả, thường trong sạch vắng lặng, tự nhiên, vâng giữ trí tuệ Hiền thánh. Tinh tấn nghĩa là bồi đắp hành bốn ân, dùng phương tiện trí tuệ khéo léo truyền dạy, không buông thả. Tinh tấn nghĩa là thân, ý, hành. Thân, ý ấy không loạn động, tâm ở nơi trống không vắng lặng. Tinh tấn nghĩa là vì tất cả chúng sinh bình đẳng thể hiện tâm từ ái, đối với pháp nghĩa tinh tấn là tâm Từ không buông thả, đối với các pháp không có chỗ vướng mắc. Tinh tấn nghĩa là đối với tha nhân và chúng sinh, đều phát tâm đạo, không buông thả. Xét xem khắp thế gian ví như nhà lửa, mộng ảo, không xả bỏ tâm đạo. Tinh tấn nghĩa là thực hành các việc, như cứu lửa cháy đầu, vào nơi chân lý, không có buông thả, diệt nơi tận chứng, hiện bày vô sinh. Tinh tấn nghĩa là đầy đủ các tướng tốt, tích lũy căn lành, đi vào chỗ không buông thả, quán sát Pháp thân không sinh khởi. Tinh tấn nghĩa là trang nghiêm cõi Phật mà không buông thả, thanh tịnh nơi cõi chúng sinh. Tinh tấn nghĩa là nghiêm tịnh đầy đủ ba mươi bảy pháp đạo phẩm, giải thoát vô minh, vui thích phương tiện thiện xảo của Đức Như Lai và Bồ-tát. Tất cả đều từ tinh tấn đưa đến, đó gọi là trí tuệ theo phương tiện quyền xảo. Bồ-tát thọ các pháp này sẽ đạt đến sự hộ trì bất thoái chuyển, an lập nơi đạo Chánh chân Vô thượng.”

Khi Đức Phật thuyết giảng những lời này, Bồ-tát Xà-da-mạt chứng đắc pháp Nhãn vô sinh, hân hoan, phấn chấn, nhảy vọt lên hư không, cách mặt đất bốn trượng chín thước. Khắp tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, ánh sáng chiếu khắp cõi Phật. Từ nơi hư không, mưa hoa trời, các loại âm nhạc tự phát ra âm thanh.

Lúc ấy, Đức Phật mỉm cười. Chư Phật, Thế Tôn luôn mỉm cười đúng như pháp, tức có trăm ngàn vô số không thể tính kể hào quang màu vàng, xanh, đỏ, trắng, từ miệng Phật tỏa ra, chiếu khắp vô lượng cõi Phật. Ánh sáng ấy quay trở lại, nhiều quanh Đức



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Phật ba vòng, lên đến đảnh Phật, bỗng nhiên biến mất. Khi đó, Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, cung kính, dùng kệ ca ngợi và thưa hỏi Đức Phật:

*Sức trí tuệ, điềm lành chói rạng  
Bảy bước hoa, ngời sáng Đạo sư  
Ba hai tướng tốt, thân vi diệu  
Biết bao vẻ đẹp đều tròn đầy.  
Như sư tử oai hùng giữa chúng  
Mỗi bước chân dững mãnh uy nghi  
Hôm nay sao Phật lại mỉm cười?  
Con mong Đức Thế Tôn giảng nói.  
Pháp Phật thuyết mạnh như làn chớp  
Tiếng trầm hùng sư tử gầm vang  
Chim Yết-tùy hót vọng mây ngàn  
Cõi Phạm thiên còn nghe thánh thót.  
Khắp ba ngàn thế giới vang ngân  
Các chúng hội đều nghe lời Phật  
Cả nhân thiên ứng hiện pháp màu  
Lời dịu êm tỏ ngộ sâu thẳm.  
Chúng Thanh văn và hàng Duyên giác  
Trí tuệ thấp nên chưa hiểu thấu  
Trọn vô cùng khắp chốn ban ân  
Chư Bồ-tát cũng không sánh kịp.  
Nay ai đạt đến tuệ lực này?  
Nguyện Đạo sư khai độ cho con  
Hoặc trời, rồng hoặc ở cõi người  
A-tu-la đều phát tâm đạo.  
Để thoát khỏi nơi còn chấp thọ  
Trong tâm nghe không chỗ vướng mắc  
Hành vô lượng không hề chướng ngại  
Trăm ngàn vô số vẫn không bằng.  
Không hạn lượng và không thể tính  
Phật đem bình đẳng độ thế nhân  
Nay xin hỏi Đấng Không, Chánh tuệ  
Vì cớ sao Phật lại mỉm cười?  
Ánh hào quang rực rỡ muôn nơi  
Xanh, vàng, đỏ, trắng ngời sắc sáng  
Hào quang ấy nơi miệng Ngài chiếu  
Cả hằng sa vô số cõi này.  
Khắp vô lượng trăm ngàn cõi Phật  
Muôn loài không khác thấy như nhau  
Tất cả lạng yên không chỗ thấy  
Phật ban lợi ích, không còn sợ.  
Khi hào quang ấy vừa xuất hiện  
Các đệ tử làm sao biết được*

*Ánh sáng này chưa có bao giờ!  
Có lần Phật thuyết việc Duyên giác.  
Nay xin Phật giải hạnh Đại thừa  
Tuệ Nhất thiết trí là cao tột  
Hào quang rực rỡ lại vào đảnh  
Bao nhiêu cấu uế thấy tiêu tan.  
Lành thay hạnh phúc cả chư Thiên  
Và cả thế gian xin thờ kính  
Nguyện xét rõ ràng thuyết nghĩa kinh  
Mỗi lời Phật dạy là chân lý.  
Chúng hội các nơi dứt hồ nghi  
Nguyện nhân Bạc Chánh Giác mỉm cười  
Nghe lời Phật phán chấn vui mừng  
Mang niềm vui khắp chốn nhân thiên.*

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Ông có thấy thiện nam Xà-da-mạt bay vọt lên hư không, cách mặt đất bốn trượng chín thước, đứng trong hư không và đã chứng đắc pháp nhãn, chấp tay cung kính đảnh lễ ta và trăm ngàn chư Thiên cùng đến cúng dường không?

–Bạch Thế Tôn! Con có thấy.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Thiện nam Xà-da-mạt đã từng phụng thờ bảy mươi hai ức Đức Phật, tu điều thiện, tích đức, thường làm Chuyển luân thánh vương, và luôn tôn phụng chư Phật Thế Tôn. Sau khi chư Phật Bát-nê-hoàn, ông ấy vẫn ở nơi bảy mươi hai ức chỗ Đức Phật, kiến lập phạm hạnh thanh tịnh, hộ trì chánh pháp Phật.

Này Hiền giả A-nan! Thiện nam Xà-da-mạt đây, về sau, sẽ được gặp và tôn phụng năm hằng hà sa các Đấng Như Lai, cúng dường, hầu hạ, giáo hóa hành thanh tịnh. Ông ấy sẽ truyền dạy cho vô số Bồ-tát, sau đó, tích lũy pháp giác ý trong vô số kiếp nữa, rồi sẽ thành Phật, hiệu là Tuệ Vương Như Lai Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười tôn hiệu, cõi nước của Phật ấy tên là Hỷ kiến, kiếp tên là Nhất bảo nghiêm tịnh.

Này Hiền giả A-nan! Thế giới Hỷ kiến đó, ví như tầng trời thứ sáu là trời Tha hóa tự tại. Dân chúng nơi cõi Phật Hỷ kiến có đời sống và sự cúng dường cũng giống như vậy. Vì thế dân chúng không tham đắm nơi sáu cảnh. Tất cả muôn dân gặp nhau đều hoan hỷ vui mừng. Họ rất hoan hỷ khi gặp Như Lai Tuệ Vương, nên thế giới đó có tên là Hỷ kiến. Khi ấy Như Lai chỉ một kiếp truyền dạy và thi hành Phật sự, nên chánh pháp cũng thọ một kiếp. Vì thế kiếp đó hiệu là Nhất bảo nghiêm tịnh. Đức Thế Tôn chỉ nhận toàn là Bồ-tát làm chúng, có chín mươi hai ức Bồ-tát đều đạt bất thoái chuyển. Các vị Bồ-tát này, đạt đến trí tuệ không chướng ngại, trí tuệ vượt sáng với vô lượng gốc công đức.

Khi Đức Như Lai Tuệ Vương sắp Bát-niết-bàn, có Bồ-tát tên là Sư Tử Quá Nhi Hành được thọ ký. Đức Như Lai nhập Niết-bàn rồi thì Bồ-tát Sư Tử Quá Nhi Hành sẽ thành Phật hiệu là Sư Tử Quá Nhi Hành Như Lai, truyền dạy chánh pháp cho thế gian. Khi Đức Như Lai đó vào Niết-bàn, chánh pháp trụ ở đời được mười tiểu kiếp. Xá-lợi của Đức Như Lai được gom lại đầy đủ và xây bảo tháp, dài rộng hai ngàn bốn trăm dặm, cao ba ngàn hai trăm dặm, tháp được làm bằng bảy báu, mọi người đều đến cúng

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

dường.

Lúc này, thiện nam Xà-da-mạt, từ hư không hạ xuống, đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ sát chân nói về pháp giới không có chỗ để hoại, rồi dùng kệ ca ngợi Đức Phật:

*Riêng con và pháp giới  
Mọi người cùng các loại  
Cõi này là cõi tuệ  
Nơi đây được thọ ký.  
Pháp giới và phiền não  
Hư không cũng bình đẳng  
Tất cả pháp như vậy  
Vì con đã đến pháp.  
Các pháp dâm, nộ, si  
Sân giận cũng như vậy  
Đều như cõi hư không  
Nơi đây, được thọ ký.  
Cõi sinh tử Niết-bàn  
Pháp giới là không khác  
Nước cũng là như vậy  
Và lửa, đất như nhau.  
Ấm cái cùng pháp giới  
Nhân thức các hữu phần  
Ý bộ cảnh pháp giới  
Các phần số đều định.  
Các pháp hữu vi kia  
Cũng như cõi vô vi  
Không thấy pháp có hại  
Đó là trao thọ ký.  
Thế Tôn không nắm ấm  
Bốn đại và các nhập  
Không danh cũng không sắc  
Cũng không có trong ngoài.  
Phật dùng âm thanh nói  
Trao thọ ký cho con  
Nơi đây đều vắng lặng  
Do thiên định thọ ký.  
Đức Phật không có ý  
Như đây thọ ký con  
Con nay không có biết  
Phật thọ ký cho con.  
Thọ ký này chẵn chẵn  
Như thế là bình đẳng  
Pháp giới không bị hoại  
Tức vốn như không trụ.  
Đẳng giác, chư Thiên nhân*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Chánh lập nơi chánh pháp*

*Lặng lẽ như hư không*

*Đầy đủ quyền tuệ thiện.*

Thiện nam Xà-da-mạt sau khi dùng kệ ca ngợi Đức Phật, rồi nhiễu quanh Phật ba vòng và ngồi qua một bên.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Hãy nên thọ trì đọc tụng kinh này và truyền bá cho mọi người.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Phụng hành như thế nào?

–Này Hiền giả A-nan! Kinh này tên là Văn-thù-sư-lợi Sở Hiện Biến Hóa Hàng Phục Chúng Ma Hóa Chư Di Học Phụng Thọ Chánh Pháp Giảng Thuyết, hoặc gọi là Bảo Tạng. Hãy nên theo đấy mà phụng hành và gìn giữ.

Đức Phật thuyết giảng như thế xong, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Xà-da-mạt, Hiền giả A-nan, chư Thiên, Nhân, A-tu-la, dân chúng trong thế gian... được nghe kinh đều hoan hỷ, đến trước Phật, cúi đầu, đánh lễ và lui ra.

